

Số: 390/QĐ-BVTV-PB

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam**

**CỤC TRƯỞNG CỤC BẢO VỆ THỰC VẬT**

*Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 84/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ quy định về quản lý phân bón;*

*Căn cứ Quyết định số 928/QĐ-BNN-TCCB ngày 24 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Bảo vệ thực vật;*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý phân bón,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận 16 (mười sáu) phân bón lưu hành tại Việt Nam (gia hạn Quyết định công nhận phân bón lưu hành tại Việt Nam số 465/QĐ-BVTV-PB ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật và điều chỉnh cho phù hợp QCVN 01-189:2019/BNNPTNT, Danh sách kèm theo) của tổ chức, cá nhân sau:

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký: Công ty TNHH phân bón Hàn - Việt

Địa chỉ: Lô D10b, Đường D3, khu công nghiệp Hiệp Phước, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3781 9281

Fax: 028 3781 9280

Mã số doanh nghiệp: 0313300594

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 3 năm 2023 đến ngày 02 tháng 3 năm 2028. Quyết định này hủy bỏ và thay thế Quyết định số 465/QĐ-BVTV-PB ngày 31 tháng 5 năm 2018 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật.

**Điều 3.** Tổ chức, cá nhân có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: QLPB.



Huỳnh Tấn Đạt



**DANH SÁCH PHẦN BÓN CÔNG NHÂN LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM**  
**CỦA CÔNG TY TNHH PHẦN BÓN HÀN - VIỆT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-BTTTT-PB ngày 03 tháng 3 năm 2023 của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật)*

STT	Loại phân bón	Tên phân bón	Mã số phân bón (*)	THỰC VẬT Chỉ tiêu chất lượng	Phương thức sử dụng (**)	Hướng dẫn sử dụng	Hạn sử dụng
1	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 25-25-5+TE	05977	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 25%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> <sub>hh</sub> ): 25%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 5%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái: 1,5 – 2,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; - Cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, mía, ...): 350 – 550 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; - Cây lương thực (lúa, mì, bắp, ...): 250 – 350 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
2	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 22-18-6+1Mg+TE	05978	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 22%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> <sub>hh</sub> ): 18%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 6%; Magie (Mg): 1%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái (Cam, bưởi, măng cầu, ...): 1,5 – 2,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Thanh long: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, chè, thuốc lá, ...): 350 – 550 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Cây tiêu: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 250 – 350 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
3	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 18-12-8+1Mg+TE	05979	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 18%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> <sub>hh</sub> ): 12%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 8%; Magie (Mg): 1%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rễ <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái (Cam, bưởi, măng cầu, ...): 1,5 – 2,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Thanh long: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, chè, thuốc lá, ...): 350 – 550 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Cây tiêu: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 300 – 400 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
4	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT	05980	Đạm tổng số (N <sub>ts</sub> ): 20%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5</sub> <sub>hh</sub> ): 16%;	Bón rễ <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái (Cam, bưởi, măng cầu, ...): 1,5 – 2,0 kg/cây/năm,	36 tháng kể từ ngày



	lượng	20-16-6+1Mg+TE		Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 6%; Magie (Mg): 1%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.		chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Thanh long: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, chè, thuốc lá, ...): 350 – 550 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Cây tiêu: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 250 – 350 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
5	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 18-8-22+TE	05981	Đạm tổng số (Nts): 18%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5hh</sub> ): 8%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 22%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rế <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cà phê, cao su: 350 – 500 kg/ha/lần bón; - Mía: 300 – 400 kg/ha/lần bón; - Tiêu: 0,1 – 0,3 kg/trụ/lần bón; - Khoai mì: 150 – 250 kg/ha/lần bón; - Lúa (rước đồng, nuôi hạt): 150 – 200 kg/ha/lần bón; - Cây ăn trái: 0,5 – 1,0 kg/cây/lần bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
6	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 20-10-10+TE	05982	Đạm tổng số (Nts): 20%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5hh</sub> ): 10%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 10%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rế <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái (Chôm chôm, sầu riềng, chanh, cam, quýt, bưởi): 0,2 – 0,4 kg/cây/lần bón; - Cà phê, cao su: 350 – 500 kg/ha/lần bón; - Mía: 300 – 400 kg/ha/lần bón; - Tiêu: 0,1 – 0,3 kg/trụ/lần bón; - Khoai mì: 150 – 250 kg/ha/lần bón; - Lúa (rước đồng, nuôi hạt): 150 – 200 kg/ha/lần bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
7	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 16-16-16+TE	05983	Đạm tổng số (Nts): 16%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5hh</sub> ): 16%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 16%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.	Bón rế <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái: 0,2 – 0,5 kg/cây/lần bón; Thanh long: 0,15 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, chè, thuốc lá, ...): 500 – 700 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Cây tiêu: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 200 – 250 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.	36 tháng kể từ ngày sản xuất
8	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 30-10-10+TE	05984	Đạm tổng số (Nts): 30%; Lân hữu hiệu (P <sub>2</sub> O <sub>5hh</sub> ): 10%; Kali hữu hiệu (K <sub>2</sub> O <sub>hh</sub> ): 10%; TE:	Bón rế <sup>(h)</sup>	Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây công nghiệp: 250 – 500 kg/ha/lần bón; - Cây lương thực: 150 – 300 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón;	36 tháng kể từ ngày sản xuất

9	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 19-16-8+TE	05985	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bo (B): 310 ppm;</li> <li>- Kẽm (Zn): 800 ppm;</li> <li>Độ ẩm: 2%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón rế<sup>(h)</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cây ăn trái: 0,2 – 0,5 kg/cây/lần bón;</li> <li>- Cây rau màu: 250 – 450 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.</li> </ul>	
10	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 15-25-7+TE	05986	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đạm tổng số (N<sub>is</sub>): 19%;</li> <li>Lân hữu hiệu (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>hh): 16%;</li> <li>Kali hữu hiệu (K<sub>2</sub>O<sub>hh</sub>): 8%;</li> <li>TE:</li> <li>- Bo (B): 310 ppm;</li> <li>- Kẽm (Zn): 800 ppm;</li> <li>Độ ẩm: 2%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón rế<sup>(h)</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng:</li> <li>- Cây ăn trái: 1,5 – 2,5 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón;</li> <li>- Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, tiêu, ...): 500 – 700 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón;</li> <li>- Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 350 – 450 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>36 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>
11	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 15-9-25+TE	05987	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đạm tổng số (N<sub>is</sub>): 15%;</li> <li>Lân hữu hiệu (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>hh): 9%;</li> <li>Kali hữu hiệu (K<sub>2</sub>O<sub>hh</sub>): 25%;</li> <li>TE:</li> <li>- Bo (B): 310 ppm;</li> <li>- Kẽm (Zn): 800 ppm;</li> <li>Độ ẩm: 2%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón rế<sup>(h)</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng:</li> <li>- Cà phê, cao su: 350 – 500 kg/ha/lần bón;</li> <li>- Mía: 300 – 400 kg/ha/lần bón;</li> <li>- Tiêu: 0,1 – 0,3 kg/trụ/lần bón;</li> <li>- Khoai mì: 150 – 250 kg/ha/lần bón;</li> <li>- Lúa (rước đòng, nuôi hạt): 150 – 200 kg/ha/lần bón;</li> <li>- Cây ăn trái: 0,5 – 1,0 kg/cây/lần bón.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>36 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>
12	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 19-18-8+TE	05988	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đạm tổng số (N<sub>is</sub>): 19%;</li> <li>Lân hữu hiệu (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>hh): 18%;</li> <li>Kali hữu hiệu (K<sub>2</sub>O<sub>hh</sub>): 8%;</li> <li>TE:</li> <li>- Bo (B): 310 ppm;</li> <li>- Kẽm (Zn): 800 ppm;</li> <li>Độ ẩm: 2%.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón rế<sup>(h)</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng:</li> <li>- Cây ăn trái: 1,5 – 2,5 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón;</li> <li>- Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, tiêu, ...): 450 – 650 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón;</li> <li>- Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 350 – 450 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>36 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>
13	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 18-16-	05989	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đạm tổng số (N<sub>is</sub>): 18%;</li> <li>Lân hữu hiệu (P<sub>2</sub>O<sub>5</sub>hh): 16%;</li> <li>Kali hữu hiệu (K<sub>2</sub>O<sub>hh</sub>): 8%;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bón rế<sup>(h)</sup></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng:</li> <li>- Cây ăn trái: 2,0 – 3,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón;</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>36 tháng kể từ ngày sản xuất</li> </ul>

14	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 15-5-20+TE	05990	<p>Magie (Mg): 1%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.</p> <p>Đạm tổng số (Nts): 15%; Lân hữu hiệu (<math>P_2O_{5(hh)}</math>): 5%; Kali hữu hiệu (<math>K_2O_{(hh)}</math>): 20%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.</p>	Bón rế <sup>(h)</sup>	<p>- Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, tiêu, ...): 500 – 700 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 400 – 500 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.</p> <p>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái (Cam, bưởi, măng cầu, ...): 1,5 – 3,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Thanh long: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, chè, thuốc lá, ...): 250 – 300 kg/ha/lần bón; Cây tiêu: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 250 – 350 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất
15	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 20-16-8+TE	05991	<p>Đạm tổng số (Nts): 20%; Lân hữu hiệu (<math>P_2O_{5(hh)}</math>): 16%; Kali hữu hiệu (<math>K_2O_{(hh)}</math>): 8%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.</p>	Bón rế <sup>(h)</sup>	<p>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng: - Cây ăn trái (Cam, bưởi, măng cầu, ...): 1,5 – 2,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Thanh long: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây công nghiệp (Cà phê, cao su, điều, mía, chè, thuốc lá, ...): 350 – 550 kg/ha/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón; Cây tiêu: 0,1 – 0,2 kg/trụ/lần bón; - Cây lương thực (Lúa, mì, bắp, ...): 250 – 350 kg/ha/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón.</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất
16	Phân bón NPK-vi lượng	NPK HÀN-VIỆT 10-30-10+TE	05992	<p>Đạm tổng số (Nts): 10%; Lân hữu hiệu (<math>P_2O_{5(hh)}</math>): 30%; Kali hữu hiệu (<math>K_2O_{(hh)}</math>): 10%; TE: - Bo (B): 310 ppm; - Kẽm (Zn): 800 ppm; Độ ẩm: 2%.</p>	Bón rế <sup>(h)</sup>	<p>Dùng bón lót và thúc cho tất cả các loại cây trồng, đặc biệt bón vào thời kỳ kích thích ra hoa, thời kỳ nuôi trái, nuôi củ, lấy mù: - Cà phê, điều, ca cao, cao su: 30 – 50 kg/1000m<sup>2</sup>/lần bón; - Các loại rau lấy củ và lấy quả: 30 – 35 kg/1000m<sup>2</sup>/vụ, chia làm 3 lần cho 3 thời kỳ bón; - Các loại rau lấy lá: 25-30 kg/1000m<sup>2</sup>/vụ; - Cây ăn trái: 0,5 – 2,0 kg/cây/năm, chia làm 4 lần cho 4 thời kỳ bón.</p>	36 tháng kể từ ngày sản xuất

**Ghi chú:** (\*) Mã số phân bón là số gồm năm chữ số thể hiện trên bao bì, nhãn mác;

(\*\*) Viết tắt dạng phân bón: <sup>(h)</sup> - dạng hạt.